

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 4 - 2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Hoa

2. Ông Nguyễn Mạnh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà D Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019 ngày 29/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị D, năm sinh 1998

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt

2. Bị đơn: Anh Giàng A M, năm sinh: 1996

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giàng Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị D và anh Giàng A M tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2016, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 29/01/2017 anh chị đã đến UBND xã S, huyện S để đăng ký kết hôn, việc chung sống và kết hôn của anh chị là tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hòa hợp, anh M không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau, anh M hay uống rượu say, chị tham gia thì anh M lại đánh chị, vì mâu thuẫn nên ngày 05 tháng 7 năm 2018 chị D đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã L, huyện B ở, từ đó anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, anh M đã nhiều lần gọi anh em đến kéo, bắt ép chị quay về chung sống cùng anh M, chị không về thì anh M xông vào đánh chị tại nhà bố mẹ

để chị. Sự việc của anh chị đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị D yêu cầu Tòa án quyết cho chị được ly hôn anh Giàng A M để đảm bảo cuộc sống riêng của chị.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị D và anh M có một con chung là cháu Giàng Đình D sinh ngày 12/10/2017, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, từ khi vợ chồng ly thân cháu D ở cùng chị D. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 700.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Lý do chị xin nuôi con là hiện nay cháu D còn nhỏ mới được hơn một tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ. Trước khi Tòa án mở phiên tòa chị D đã làm đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị và anh M. Tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn giữ nguyên ý kiến: Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị và anh M và khẳng định yêu cầu trên của chị là tự nguyện.

- Những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Trích lục kết hôn; Sổ hộ khẩu; Đơn xin xác nhận chị D; Giấy khai sinh chị D; Giấy chứng minh nhân dân chị D; Đơn đề nghị xác nhận nơi cư trú bị đơn; Trích lục khai sinh cháu D; Đơn xin xác nhận thu nhập chị D.

2. Đề nghị của bị đơn: Tại bản tự khai ngày 24/01/2019 và tại phiên hòa giải tại Tòa án, bị đơn anh Giàng A M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M nhất trí với chị D đã trình bày về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa anh và chị D. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh M cho rằng: Anh và chị D phát sinh mâu thuẫn từ tháng 6 năm 2017, nguyên nhân là do trong thời gian anh đi làm thuê chị D đã nhiều lần đem tư trang riêng và tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh có hỏi thì chị D nói là đồ đạc của chị thì chị được mang đi, sau đó chị D nói là bị đau bụng phải ra S mua thuốc và đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu tháng 7 năm 2018 từ đó anh và chị D đã sống ly thân, anh và gia đình anh đã đến đón và nói chuyện với chị D nhiều lần nhưng chị D nói là chị đã đi thì chị không về. Trong cuộc sống anh chị cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Nay anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị D vẫn còn, mâu thuẫn không có gì lớn, nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

- Về nuôi con khi ly hôn: Anh M nhất trí với trình bày của chị D về con chung. Ý kiến của anh: Nếu chị D cứ cương quyết xin ly hôn, do hiện nay cháu D còn nhỏ nên anh cũng đồng ý để chị D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

- Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình: Bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Giàng Thị D được ly hôn anh Giàng A M.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Giàng Đình D sinh ngày 12/10/2017 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo qui định của Pháp luật.

3.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án nguyên đơn và bị đơn đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải. Tại phiên tòa bị đơn anh Giàng A M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh M là hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau do anh chị không hòa hợp nên xảy ra đánh cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau, từ tháng 7 năm 2018 đến nay anh chị sống ly thân, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc mâu thuẫn của chị D và anh M đã được gia đình động viên nhưng không thành, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng cũng không có kết quả. Xác minh tại địa phương nơi anh M cư trú và xác nhận tại địa phương nơi chị D cư trú thì: Do mâu thuẫn nên từ tháng 7 năm 2018 chị D cùng cháu D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị D ở xã Lũng Cỏ, huyện Bắc Hà ở, từ đó chị D và anh M đã sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Về nghề nghiệp và thu nhập hiện nay thì chị D và anh M đều làm ruộng,

làm nương và chăn nuôi; thu nhập một tháng của chị D khoảng 2.000.000 đồng, thu nhập cùng loại như anh M ở địa phương khoảng từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/ 01 tháng, chị D và anh M đều đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng được con chung.

Tại phiên tòa, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng chị không thể có một cuộc hôn nhân hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được và cần phải ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị D và anh M có một con chung cháu Giàng Đình D sinh ngày 12/10/2017, nay cháu D còn nhỏ và đang ở với chị D, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì cả chị D và anh M đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung bình thường, tuy nhiên hiện nay cháu D dưới 36 tháng tuổi, hiện anh M không có mặt tại nơi cư trú nên cần giao cháu D cho chị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp. Như vậy, việc chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Trước khi Tòa án mở phiên tòa chị D đã làm đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị và anh M. Tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn giữ nguyên ý kiến: Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị và anh M và khẳng định yêu cầu trên của chị là tự nguyện. Mặt khác ý kiến của anh M tại bản tự khai và tại phiên hòa giải anh cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận việc chị D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị D và anh M.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị D phải chịu: 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 71, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Giàng Thị D và anh Giàng A M.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Giàng Đình D sinh ngày 12/10/2017 cho chị Giàng Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh Giàng A M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Giàng Thị D phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003737 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Si Ma Cai (2);
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- UBND xã S
huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu Hương